

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**  
Số: 120/BC-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
*Gia Lai, ngày 27 tháng 6 năm 2022*

## BÁO CÁO

### **Thẩm tra dự thảo nghị quyết về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết *về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai* (Tờ trình số 1212/TTr-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### **1. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ Khoản 3, Điều 45 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1, Điều 6<sup>1</sup> Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2019; Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 3, Điều 1<sup>2</sup> Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 *Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai* và các văn bản hướng dẫn thi hành, việc HĐND tỉnh thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh là đúng thẩm quyền.

**2. Về nội dung dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thông nhất thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh: Tổng số 11 công trình, dự án với diện tích **4,31 ha**. Cụ thể như sau:

(1). Huyện Kong Chro: 01 công trình, dự án với diện tích 0,09 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 150.000.000 đồng (ngân sách huyện).

(2). Huyện Đak Đoa: 02 công trình, dự án với diện tích 0,06 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 100.000.000 đồng (vốn ngành điện).

<sup>1</sup> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật này trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

<sup>2</sup> Trường hợp có bổ sung dự án, công trình mà phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai thì phải được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

(3). Huyện Krông Pa: 02 công trình, dự án với diện tích 1,90 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 1.014.251.000 đồng (ngân sách huyện).

(4). Thành phố Pleiku: 02 công trình, dự án với diện tích 0,54 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 14.529.134.000 đồng (ngân sách thành phố và ngân sách Trung ương).

(5). Huyện Ia Grai: 04 công trình, dự án với diện tích 1,72 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 3.800.000.000 đồng (ngân sách huyện).

Ngoài ra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND, HĐND huyện Ia Grai khi quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án không tách nội dung bồi thường giải phóng mặt bằng riêng thành 01 dự án.

**3. Đối với thể thức, bộ cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Trung Kiên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**  
Số: 121/BC-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Gia Lai, ngày 27 tháng 6 năm 2022*

## BÁO CÁO

### Thẩm tra dự thảo nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án Đường dây hạ áp sau công tơ của Bệnh viện Đa khoa tỉnh

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết *về chủ trương đầu tư dự án Đường dây hạ áp sau công tơ của Bệnh viện Đa khoa tỉnh* (*Tờ trình số 1214/TTr-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh*) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### **1. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ các quy định tại Khoản 7 Điều 17<sup>1</sup> và Khoản 1 Điều 83<sup>2</sup> Luật Đầu tư công năm 2019, việc HĐND tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án Đường dây hạ áp sau công tơ của Bệnh viện Đa khoa tỉnh do UBND tỉnh trình là đúng thẩm quyền.

**2. Về nội dung dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất và đề nghị chỉnh sửa một số nội dung như sau:

- Tại Điều 1, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị:

+ Điều chỉnh đơn vị quản lý dự án từ "*Bệnh viện Đa khoa tỉnh*" thành "*Ban Quản lý các Dự án đầu tư xây dựng tỉnh*" và viết lại như sau: "*Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường dây hạ áp sau công tơ của Bệnh viện Đa khoa tỉnh do Ban Quản lý các Dự án đầu tư xây dựng tỉnh quản lý dự án*".

+ Tại gạch đầu dòng thứ 10, khoản 2: Điều chỉnh cụm từ "*Các hạng mục phụ kèm theo*" thành "*Các hạng mục phụ, vật tư, phụ kiện kèm theo*".

- Tại khoản 1 Điều 2: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị điều chỉnh cụm từ "*Bệnh viện Đa khoa tỉnh*" thành "*Ban Quản lý các Dự án đầu tư xây dựng tỉnh*"; bổ sung cụm từ "*dự án*" và viết lại như sau: "*1. Ban Quản lý các Dự án đầu tư xây dựng tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đường dây hạ áp sau công tơ của Bệnh viện*

<sup>1</sup> 7. Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý, trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều này.

<sup>2</sup> Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp:

1. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 17 của Luật này.

*"Đa khoa tỉnh, trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan".*

- Tại khoản 1 Điều 3: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị điều chỉnh cụm từ "Bệnh viện Đa khoa tỉnh" thành "Ban Quản lý các Dự án đầu tư xây dựng tỉnh" và viết lại như sau: "1. Ban Quản lý các Dự án đầu tư xây dựng tỉnh và các cơ quan liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này".

**3. Đối với thể thức, bộ cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**

**KT. TRƯỞNG BAN**

**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trung Kiên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**  
Số: 122/BC-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Gia Lai, ngày 27 tháng 6 năm 2022*

## BÁO CÁO

**Thẩm tra dự thảo nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo Nghị quyết **quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai** (Tờ trình số 1254/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

### 1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ các quy định tại: khoản 10, Điều 2<sup>1</sup> Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; khoản 1, Điều 1<sup>2</sup> Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và khoản 1, Điều 27<sup>3</sup> Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

<sup>1</sup> 10. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).

<sup>2</sup> a) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

“9. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện)”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 15 như sau:

“15. Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện)”.

<sup>3</sup> Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

**2. Về nội dung dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất đề nghị chỉnh sửa một số nội dung như sau:

- Tại điểm b khoản 2 Điều 1: Ban đề nghị bổ sung cụm từ "thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường" và viết lại như sau: "Tổ chức thu phí: Chi cục Bảo vệ Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai; Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện".
- Tại trích yếu Điều 3: Ban đề nghị bổ sung cụm từ ",tỷ lệ để lại" và viết lại như sau: "Kỳ kê khai, nộp phí, tỷ lệ để lại".
- Bổ sung khoản 4 Điều 3: "Việc quản lý, sử dụng phí theo quy định hiện hành".
- Tại Đơn vị tính của Phụ lục, Ban đề nghị thay cụm từ "đồng/dự án (hoặc cơ sở)" thành cụm từ: "đồng/bộ hồ sơ".
- Tại cột Mức thu phí thẩm định của Phụ lục, Ban đề nghị bổ sung cụm từ "cấp phép của" và viết lại như sau: "Thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh" và "Thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp huyện".

**3. Đối với thể thức, bộ cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
KT, TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Trung Kiên

## BÁO CÁO

**Thẩm tra dự thảo nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo Nghị quyết **quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Gia Lai** (Tờ trình số 1255/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

### 1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ các quy định tại: khoản 11, 16, 17, 21, Điều 2<sup>1</sup> Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính *hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*; khoản 1, Điều 27<sup>2</sup> Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, việc HĐND tỉnh ban hành nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

**2. Về nội dung dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị chỉnh sửa một số nội dung như sau:

- Tại điểm a khoản 1, Điều 3: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị thay dấu "," bằng dấu ";" sau cụm từ "thương binh", bỏ sung cụm từ "ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn" và viết lại như sau: "Miễn phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng là người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, Anh hùng Lực lượng vũ

<sup>1</sup> 11. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

16. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai.

17. Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

21. Phí đăng ký giao dịch bảo đảm (đối với hoạt động đăng ký do cơ quan địa phương thực hiện).

<sup>2</sup> Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

trang nhân dân, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; Bệnh binh; Thân nhân của người có công với cách mạng được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; Hộ nghèo; Hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn".

- Tại khoản 2, Điều 3: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bổ sung đổi tương miến phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai là "cơ quan thi hành án dân sự các cấp khi thực hiện nhiệm vụ điều tra" và viết lại như sau: "Miễn phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai đối với cơ quan điều tra của Công an nhân dân; Quân đội nhân dân; Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự các cấp khi thực hiện nhiệm vụ điều tra".

- Tại khoản 2, Điều 4: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bổ sung cụm từ "các cơ quan, tổ chức khác" và viết lại như sau: "Văn phòng đăng ký đất đai, Trung tâm Công nghệ Thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, tổ chức khác được để lại 70% tổng số tiền phí thu được".

- Tại trích yếu Điều 5 bổ sung cụm từ "quản lý, sử dụng phí" và viết lại như sau: "Kỳ kê khai, nộp phí, quản lý, sử dụng phí".

- Bổ sung khoản 3, Điều 5: "Việc quản lý, sử dụng phí theo quy định hiện hành".

- Tại Trích yếu của Mục II Phụ lục: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bổ sung cụm từ: "các cơ quan, tổ chức khác có liên quan" và viết lại như sau: "Mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với hoạt động thẩm định thực hiện tại Văn phòng đăng ký đất đai và Trung tâm công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan".

- Tại Phụ lục kèm theo dự thảo nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bổ sung như sau: Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai và Trung tâm công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn được giao và các quy định pháp luật khác có liên quan thực hiện thẩm định và thu phí.

**3. Đối với thể thức, bố cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Trung Kiên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**  
Số: 124/BC-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Gia Lai, ngày 27 tháng 6 năm 2022*

## BÁO CÁO

**Thẩm tra dự thảo nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết **quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 1260/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh)** và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

### 1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ các quy định tại: khoản 5, Điều 3<sup>1</sup> Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính *hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*; khoản 1, Điều 27<sup>2</sup> Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

**2. Về nội dung dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất và đề nghị chỉnh sửa một số nội dung như sau:

- Tại Trích yếu của dự thảo nghị quyết bỏ cụm từ: "quản lý, sử dụng" và viết lại như sau: "quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai".

- Tại điểm b khoản 2 Điều 1: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bỏ từ "tỉnh" và viết lại như sau: "Tổ chức thu lệ phí: Văn phòng đăng ký đất đai".

- Tại Điều 3: Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị:

+ Tại khoản 1 bổ sung đối tượng miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là "*hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó*

<sup>1</sup> 5. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất.

<sup>2</sup> Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

"khăn" và viết lại như sau: "Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 10 tháng 12 năm 2009 mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn".

+ Tại khoản 2 bổ sung cụm từ "ở khu vực nông thôn" và viết lại như sau: "Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở khu vực nông thôn đối với hộ gia đình, cá nhân thường trú ở nông thôn".

- Bổ sung khoản 3, Điều 3 đối tượng miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, cụ thể: "Miễn lệ phí cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp sai sót do cơ quan nhà nước hoặc do thay đổi địa giới hành chính".

- Tại Điều 4, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị:

+ Tại trích yếu bô từ "Kỳ" và viết lại như sau: "Kê khai, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất".

+ Tại nội dung bổ sung: "Tổ chức thu lệ phí thực hiện nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiêu mục của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí theo năm theo quy định của pháp luật quản lý thuế".

**3. Đôi với thể thức, bố cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Trung Kiên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**  
Số: 125/BC-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Gia Lai, ngày 27 tháng 6 năm 2022*

## BÁO CÁO

**Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết *quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Gia Lai* (Tờ trình số 1267/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

### 1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ các quy định tại: khoản 12, 13, 14, Điều 2<sup>1</sup> Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính *hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*; khoản 1, Điều 27<sup>2</sup> Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

<sup>1</sup> 12. Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).  
13. Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).  
14. Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).

<sup>2</sup> Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết đề quy định: Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

**2. Về nội dung dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất và đề nghị chỉnh sửa một số nội dung sau:

- Tại Điều 3, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị:
  - + Tại trích yếu bỏ từ "Kỳ"; bổ sung cụm từ "quản lý, sử dụng" và viết lại như sau: "Kê khai, nộp, quản lý, sử dụng phí".
  - + Bổ sung khoản 4: "Quản lý, sử dụng phí theo quy định hiện hành".
- Tại khoản 1 Điều 4, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bổ sung từ: "Giao" và viết lại như sau: "Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này".
- Tại Phụ lục, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị điều chỉnh, làm tròn số đối với một số mức thu, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: đồng/hồ sơ*

STT	Tên phí	Mức thu do UBND tỉnh đề nghị	Mức thu do HĐND tỉnh đề nghị điều chỉnh
1	<b>Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất</b>		
a	Đối với đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, báo cáo hiện trạng khai thác có lưu lượng nước dưới $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .	1.970.000	2.000.000
b	Đối với đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, báo cáo hiện trạng khai thác có lưu lượng nước từ $100 \text{ m}^3$ đến dưới $3.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .	3.940.000	4.000.000
2	<b>Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt</b>		
a	Đối với đề án, báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích không phải cho sản xuất nông nghiệp dưới $200 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ và cho phát điện với công suất dưới $100 \text{ kw}$ ; sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới $0,5 \text{ m}^3/\text{giây}$ .	1.970.000	2.000.000
b	Đối với đề án, báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích không phải cho sản xuất nông nghiệp từ $200 \text{ m}^3$ đến dưới $50.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ và cho phát điện với công suất từ $100 \text{ kw}$ đến dưới $2.000 \text{ kw}$ ; sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ $0,5 \text{ m}^3/\text{giây}$ đến $2 \text{ m}^3/\text{giây}$ .	3.940.000	4.000.000

\* **Ghi chú:** Các nội dung còn lại giữ nguyên, không thay đổi.

**3. Đối với thể thức, bộ cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

*Nơi nhận:*

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**



**KI. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Trung Kiên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**  
Số: 126/BC-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
*Gia Lai, ngày 27 tháng 6 năm 2022*

## BÁO CÁO

**Thẩm tra dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết *sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh (Tờ trình số 1261/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh)* và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

### 1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ các quy định tại: khoản 2, Điều 2<sup>1</sup>; khoản 2, Điều 8<sup>2</sup> Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính *hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*; khoản 3, Điều 1<sup>3</sup> Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4, Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh là đúng thẩm quyền.

<sup>1</sup> 2. Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu (bao gồm: khu vực cửa khẩu biên giới đất liền và khu vực cửa khẩu cảng biển).

<sup>2</sup> 2. Việc quyết định thu phí, lệ phí; phạm vi, đối tượng thu, đối tượng được miễn, giảm phí, lệ phí; mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí nêu tại Điều 2 và Điều 3 Thông tư này do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phù hợp với điều kiện của từng địa phương, nhưng cần có sự tham khảo các địa phương khác để đảm bảo sự tương đồng giữa các địa phương và đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân.

<sup>3</sup> Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau: "Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc định chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật".

**2. Về nội dung dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất và đề nghị chỉnh sửa một số nội dung sau:

- Tại Điều 1, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị:

+ Chỉnh sửa cụm từ: “*Sửa đổi khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND...*” và viết lại như sau: “*Sửa đổi khoản 3 Điều 1, bổ sung khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND...*”.

+ Tại nội dung đối tượng miễn nộp phí bổ sung đối tượng miễn nộp phí: “*xe không chở hàng hóa, xe không chở hành khách*”.

- Tại Điều 2, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bỏ cụm từ: “*Điều khoản thi hành*” và viết lại như sau: “*Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này*”.

**3. Đối với thể thức, bộ cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trung Kiên**

## BÁO CÁO

**Thẩm tra dự thảo nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới  
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết **quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai** (Tờ trình số 1303/TTr-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

### 1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 6<sup>1</sup> Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ **quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025**, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

**2. Về nội dung dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất và đề nghị chỉnh sửa một số nội dung sau:

- Tại Điều 2, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị:

+ Bỏ cụm từ: “Điều khoản thi hành” và viết lại như sau: “Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này”.

<sup>1</sup> 2. ...UBND các tỉnh xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ vốn, phương án lồng ghép các nguồn vốn theo quy định để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn trình HĐND cùng cấp quyết định..., cụ thể:

a) Đối với kế hoạch vốn đầu tư phát triển: Căn cứ vào mục tiêu phấn đấu thực hiện Chương trình đến năm 2025 và điều kiện thực tế, các tỉnh xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho các huyện, xã bao đảm tổng mức vốn đầu tư phát triển phân bổ cho các xã, huyện trong cả giai đoạn 2021 – 2025...

+ Bỏ cụm từ: “đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025” và viết lại như sau: “Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 7 năm 2022”.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bỏ điểm a khoản 2 Điều 4 và điểm a khoản 3 Điều 5 tại Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết; đồng thời, bổ sung trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc đối ứng ngân sách cấp xã để thực hiện Chương trình tại khoản 2 Điều 7: Tổ chức thực hiện.

**3. Đối với thể thức, bộ cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

*Nơi nhận:*

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Trung Kiên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI  
Số: 128/BC-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Gia Lai, ngày 27 tháng 6 năm 2022

## BÁO CÁO

### Thẩm tra dự thảo nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết **quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 1304/TTr-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh)** và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### 1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Mục V<sup>1</sup> Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ *Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025*, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

**2. Về nội dung dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

**3. Đối với thể thức, bộ cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

<sup>1</sup> b) ...Căn cứ kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tế của các địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể...

... Các xã còn lại: Căn cứ Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tế của các địa phương và nhu cầu hỗ trợ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể....

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**

**KT. TRƯỞNG BAN**

**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trung Kiên**

## BÁO CÁO

### **Thẩm tra dự thảo nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết **quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai** (Tờ trình số 1300/TTr-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### **1. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ các quy định tại: khoản 1, Điều 19<sup>1</sup> Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ *ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025*, việc HĐND tỉnh ban hành nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

#### **2. Về nội dung dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với nội dung dự thảo nghị quyết và đề nghị chỉnh sửa một số nội dung tại Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết như sau:

- Dựa nội dung khoản 3, Điều 4 của dự thảo nghị quyết: “*Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số căn cứ số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh*” làm căn cứ để tính Tiêu chí 3 của Tiêu dự án 3- khoản 3, Điều 9 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết.

<sup>1</sup> UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

1. Căn cứ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, bối cảnh kinh tế, xã hội, lồng ghép các nguồn lực khác, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện Chương trình và trình HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.

- Đưa nội dung khoản 4, Điều 4 của dự thảo nghị quyết: "*Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng, thấp còi để tính hệ số theo số liệu năm 2021 của Sở Y tế công bố*" làm căn cứ để tính Tiêu chí 3 của Tiểu dự án 2- khoản 2, Điều 8 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết.

- Đưa nội dung khoản 5, Điều 4 của dự thảo nghị quyết: "*Số trường Cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh để tính hệ số căn cứ vào số lượng thực tế tính đến năm 2021 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh thống kê và công bố. Số lượng tuyển sinh trên địa bàn cấp huyện để tính hệ số căn cứ vào kết quả báo cáo tuyển sinh năm 2021 của cấp huyện trên địa bàn tỉnh*" làm căn cứ để tính Tiêu chí 2, 3 của Tiểu dự án 1 tại khoản 1, Điều 9 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết.

- Tại 09 tiêu chí Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị điều chỉnh mức phân chia nhóm tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo như sau: "Từ 30% đến dưới 35%" thành "Từ 30% đến dưới 40%" và "Từ 35% trở lên" thành "Từ 40% trở lên" và viết lại như sau:

<b>Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 8%	0,4
Từ 8% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% đến dưới 30%	0,7
<b>Từ 30% đến dưới 40%</b>	<b>0,8</b>
<b>Từ 40% trở lên</b>	<b>0,9</b>

\* Lưu ý: Áp dụng cho tất cả các tiêu chí có sử dụng đến tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo làm căn cứ để tính hệ số.

- Tại 07 tiêu chí Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị gộp mức phân chia nhóm số đơn vị hành chính cấp xã và hệ số như sau: "Từ 18 đến 20 xã": hệ số 1,5 và "Từ 21 xã trở lên": hệ số 2 thành "Từ 18 đơn vị hành chính trở lên": hệ số 1,5; thay từ "xã" bằng cụm từ "đơn vị hành chính" và viết lại như sau:

<b>Số đơn vị hành chính cấp xã</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 10 đơn vị hành chính	1
Từ 10 đến 13 đơn vị hành chính	1,15
Từ 14 đến 17 đơn vị hành chính	1,3
<b>Từ 18 đơn vị hành chính trở lên</b>	<b>1,5</b>

\* Lưu ý: Áp dụng cho tất cả các tiêu chí có sử dụng đến số đơn vị hành chính làm căn cứ để tính hệ số.

- Tại tiêu chí 3 (Phân Phân bối vốn sự nghiệp của Tiểu dự án cho cấp huyện để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn thực hiện) - mục b khoản 1 Điều 9 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bổ sung cụm từ: "*Đối với địa phương không có cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập giao UBND huyện tổ chức, triển khai*

*thực hiện*" và viết lại như sau:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	Hệ số
Mỗi một trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (Đối với địa phương không có cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập giao UBND huyện tổ chức, triển khai thực hiện)	0,1
Mỗi một trường cao đẳng	0,3

- Bổ nội dung tại mục c khoản 2 Điều 10 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết "c) Ngân sách đối ứng:.... Bộ Xây dựng".

- Bổ sung phần nội dung Tổ chức thực hiện tại Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết.

**3. Đối với thể thức, bố cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**  
**KT TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trung Kiên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**  
Số: 130/BC-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
*Gia Lai, ngày 27 tháng 6 năm 2022*

## BÁO CÁO

### **Thẩm tra dự thảo nghị quyết về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết **về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương (Tờ trình số 1251/TTr-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh)** và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### **1. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019, việc HĐND tỉnh phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương là đúng thẩm quyền.

**2. Về nội dung dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất và đề nghị chỉnh sửa một số nội dung sau:

- Tại phần căn cứ pháp lý, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bổ sung:

+ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

+ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn ngân sách địa phương);

+ Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2022 nguồn ngân sách Trung ương.

- Tại Điều 1 của dự thảo nghị quyết Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị chỉnh sửa và viết lại như sau:

**“Điều 1. Phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2022 là 15 tỷ đồng (Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư) để bố trí**

cho 01 dự án hoàn thành sau năm 2022: Dự án đầu tư xây dựng phục vụ quản lý bảo vệ rừng và phát triển vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chr Răng.  
 (có Phụ lục kèm theo)”.

**3. Đối với thể thức, bối cảnh dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trung Kiên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**  
Số:131/BC-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Gia Lai, ngày 27 tháng 6 năm 2022*

## BÁO CÁO

### **Thẩm tra dự thảo nghị quyết về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết *về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 1227/TTr-UBND ngày 13/6/2022 của UBND tỉnh)* và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### **1. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ khoản 7 Điều 67<sup>1</sup> Luật Đầu tư công năm 2019, việc HĐND tỉnh điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

#### **2. Về nội dung dự thảo nghị quyết**

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị một số nội dung sau:

- Tại phần căn cứ pháp lý, đề nghị bổ sung: *Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự.*

<sup>1</sup>7. Hội đồng nhân dân các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương trong các trường hợp sau đây:

- Do điều chỉnh mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;
- Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương;
- Do thay đổi nhu cầu sử dụng hoặc khả năng triển khai thực hiện vốn kế hoạch hằng năm giữa các cơ quan, đơn vị của địa phương.

\* Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất đề nghị HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

Điều chỉnh khoản 1, 2, 3 Điều 1 Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh về *kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương* và biểu số 1, 2 và phụ lục 2 kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND, cụ thể:

**(1). Đối với nguồn cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư**

a. Điều chỉnh giảm 8.000 triệu đồng của 02 nhiệm vụ quy hoạch, trong đó:

- Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku giảm 7.000 triệu đồng.

- Quy hoạch chi tiết di tích lịch sử chiến thắng Plei Me và di tích lịch sử Đường 7 - Sông Bờ giảm 1.000 triệu đồng.

b. Bổ sung, điều chỉnh tăng 8.000 triệu đồng cho Dự án Đường Lý Thường Kiệt (đoạn đường Lê Duẩn - đường Dương Minh Châu), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai: từ 120.000 triệu đồng lên 128.000 triệu đồng.

**(2). Nguồn tiền sử dụng đất**

a. Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư

Điều chỉnh giảm 198.253 triệu đồng vốn dự phòng nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư để đưa vào đầu tư các dự án; từ 364.724 triệu đồng xuống còn 166.471 triệu đồng.

b. Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố đầu tư

Điều chỉnh tăng 198.253 triệu đồng; từ 2.393.560 triệu đồng lên 2.591.814 triệu đồng.

**(3). Nguồn xổ số kiến thiết**

a. Điều chỉnh giảm 13.292 triệu đồng vốn dự phòng nguồn số xổ số kiến thiết để đưa vào đầu tư các dự án; từ 79.400 triệu đồng xuống còn 66.108 triệu đồng.

b. Bổ sung, điều chỉnh tăng 13.292 triệu đồng nguồn tiền xổ số kiến thiết cho Dự án Trang thiết bị bệnh viện vệ tinh Ung bướu - Bệnh viện Đa khoa tỉnh (từ 60.000 triệu đồng lên 73.292 triệu đồng).

**(4). Nguồn vốn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2021**

Bổ sung, điều chỉnh tăng 3.400 triệu đồng nguồn vốn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2021 cho Dự án Đường dây điện hạ áp sau công tơ của Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

**3. Đối với thể thức, bộ cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**

**KT. TRƯỞNG BAN**

**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trung Kiên**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI  
Số: 132/BC-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Gia Lai, ngày 27 tháng 6 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Thẩm tra dự thảo nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án  
Hỗ trợ phát triển khu vực Biên giới, vay vốn ADB - Tiểu dự án tỉnh Gia Lai**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hỗ trợ phát triển khu vực Biên giới, vay vốn ADB - Tiểu dự án tỉnh Gia Lai (*Tờ trình số 1310/TTr-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh*) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

**1. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ khoản 1 Điều 34<sup>1</sup> Luật Đầu tư công năm 2019; khoản 1 Điều 1<sup>2</sup>, khoản 1 Điều 11<sup>3</sup> Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 19<sup>4</sup>, khoản 1 Điều 98<sup>5</sup> Nghị định số 114/NĐ-CP ngày 16/12/2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, việc HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hỗ trợ phát triển khu vực Biên giới, vay vốn ADB - Tiểu dự án tỉnh Gia Lai là phù hợp với quy định hiện nay.

Căn cứ Thông báo số 359-TB/TU ngày 31/5/2022 Kết luận Hội nghị Ban

<sup>1</sup> Điều 34. Điều chỉnh chủ trương đầu tư: “1. Cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình”.

<sup>2</sup> Điều 1. “1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý, trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều này”.

<sup>3</sup> Điều 11. Quy định chuyên tiếp: “1. Đối với dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành và trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư quy định tại Điều 1 của Luật này có thẩm quyền điều chỉnh chủ trương đầu tư”.

<sup>4</sup> Điều 19. Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi: “1. Thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Đầu tư công”.

<sup>5</sup> Điều 98. Xử lý chuyên tiếp: “1. Chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục, trong quá trình thực hiện cần sửa đổi, điều chỉnh thì thực hiện theo quy định về điều chỉnh chủ trương đầu tư của Nghị định này”.

*Thường vụ Tỉnh ủy về các văn bản của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>6</sup>.*

**2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất và đề nghị điều chỉnh một số nội dung sau:

- Tại phần căn cứ pháp lý, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bổ sung: Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự.

- Bỏ khoản 1 Điều 1, khoản 2 Điều 1 sửa thành khoản 1 Điều 1 và khoản 3 Điều 1 sửa thành khoản 2 Điều 1 và viết lại như sau:

**“(1). Nội dung điều chỉnh:** Điều chỉnh tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn như sau:

*Tổng mức đầu tư của Dự án hỗ trợ phát triển khu vực Biên giới, vay vốn ADB - Tiểu dự án tỉnh Gia Lai: 24.637.522 USD tương đương 566.663 triệu đồng, trong đó:*

- Vay nguồn vốn Quỹ Phát triển Châu Á (ADF) của ADB: 20.000.000 USD tương đương 460.000 triệu đồng.

- Vốn đối ứng phía Việt Nam: 4.637.522 USD tương đương 106.663 triệu đồng.

**(2). Lý do điều chỉnh:** Điều chỉnh tăng vốn đối ứng để:

- Trả, thuế phí theo yêu cầu của Bộ Tài chính;

- Đổi ứng thực hiện các hạng mục sử dụng phần vốn ODA dư của Dự án”.

Ngoài ra, đối với nội dung đề nghị điều chỉnh kéo dài thời gian thực hiện, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh bổ sung nội dung này vào tờ trình để HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

**3. Đối với thể thức, bố cục dự thảo Nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**



**Nguyễn Trung Kiên**

<sup>6</sup> Bổ sung vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh 58,363 tỷ đồng từ nguồn dự phòng thuộc vốn trong cân đối theo tiêu chí do tỉnh đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để trả thuế, phí dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới, vay vốn ADB - Tiểu dự án tỉnh Gia Lai và đổi ứng thực hiện các hạng mục sử dụng phần vốn ODA dư như Tờ trình số 134-TTr/BCS, ngày 16 tháng 5 năm 2022.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**  
Số: 133/BC-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Gia Lai, ngày 27 tháng 6 năm 2022*

**BÁO CÁO**  
**Thẩm tra dự thảo nghị quyết về việc cho ý kiến  
kế hoạch đầu tư công năm 2023**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết *về việc cho ý kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 (Tờ trình số 1228/TTr-UBND ngày 13/6/2022 của UBND tỉnh)* và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

**1. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ Khoản 5 Điều 56<sup>1</sup> Luật Đầu tư công năm 2019, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 là đúng thẩm quyền.

**2. Về nội dung dự thảo nghị quyết**

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị một số nội dung sau:

- Tại Trích yếu của dự thảo nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị chỉnh sửa và viết lại như sau: “về việc *dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023*”.

- Tại phần căn cứ pháp lý, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị:

+ Bổ sung các căn cứ: Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

+ Bỏ các căn cứ: Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí

<sup>1</sup> Trước ngày 25 tháng 7 hàng năm, UBND báo cáo HĐND cùng cấp thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau.

và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

- Bổ sung Phụ lục kèm theo dự thảo nghị quyết.
- Ngoài ra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh lưu ý một số nội dung sau:
  - + Đối với Dự án Đường dây hạ áp sau công tơ của Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh không đưa vào Kế hoạch đầu tư công năm 2023. Lý do: Dự án đã bố trí vốn để thực hiện trong năm 2022.
  - + Tại Phụ lục 2 - Dự kiến tiền sử dụng đất Kế hoạch năm 2023, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tính toán lại dự kiến số thu tiền sử dụng đất bố trí kế hoạch đầu tư công sau khi trừ kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng và kinh phí hoàn ứng cho Quỹ phát triển đất của tỉnh đối với các dự án do tỉnh quản lý, thực hiện.
  - Bổ sung báo cáo thuyết minh làm rõ lý do tăng, giảm nguồn vốn các công trình, dự án.

Do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2023 là 3.643,921 tỷ đồng, cụ thể như sau:

(1). Nguồn vốn ngân sách địa phương: Dự kiến 2.345,173 tỷ đồng; giảm 2,03% so với kế hoạch năm 2022.

1.1. Vốn trong cân đối theo tiêu chí: Dự kiến 876,948 tỷ đồng; tăng 6% so với kế hoạch năm 2022; trong đó:

a. Vốn trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư: Dự kiến 448,948 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn chuẩn bị đầu tư: 6,0 tỷ đồng.
- Thực hiện dự án: 442,948 tỷ đồng.

1.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất:

Dự kiến tiền sử dụng đất bố trí cho các dự án đầu tư công là 1.292,397 tỷ đồng, giảm 6,59% so với kế hoạch năm 2022; trong đó:

a. Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư: 791,744 tỷ đồng; giảm 0,68% so với kế hoạch năm 2022, cụ thể:

- Thực hiện dự án: 791,744 tỷ đồng.

b. Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố đầu tư: 500,653 tỷ đồng; giảm 14,63% so với kế hoạch năm.

1.3. Xổ số kiến thiết: Dự kiến kế hoạch năm 2023 là 158 tỷ đồng; tăng 7,48% so với kế hoạch năm 2022; cụ thể:

- Thực hiện dự án: 158 tỷ đồng.

1.4. Bội chi ngân sách: 17,828 tỷ đồng.

(2). Vốn ngân sách trung ương trong nước (các ngành, lĩnh vực, chương trình): 1.295,348 tỷ đồng (không bao gồm vốn bố trí cho 03 Chương trình mục

tiêu quốc gia và Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội); tăng 26,8% so với kế hoạch năm 2022; cụ thể:

- Vốn thực hiện dự án: 1.295,348 tỷ đồng.

**3. Đối với thể thức, bối cảnh dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**



**KỶ TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Trung Kiên**

## BÁO CÁO

### **Thẩm tra dự thảo nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết **về việc phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia** (Tờ trình số 1311/TTr-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### **1. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ các quy định tại: khoản 5, Điều 6<sup>1</sup>; khoản 1, Điều 40<sup>2</sup> Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ *quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia*; Luật Đầu tư công năm 2019 và Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, việc HĐND tỉnh quyết định về việc phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia là đúng thẩm quyền.

**2. Về nội dung dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất và đề nghị điều chỉnh một số nội dung sau:

- Tại phần căn cứ pháp lý, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bổ sung:

+ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật

<sup>1</sup> 5. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm của quốc gia, các cơ quan chủ quản chương trình lập, phê duyệt, giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

<sup>2</sup> Điều 40. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:

a) Mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương.

b) Cơ chế lòng ghép vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

c) Cơ chế huy động các nguồn lực khác quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định này.

d) Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định này.

sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

+ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015.

Ngoài ra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị:

**\* Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

- Xã H'Bông, huyện Chư Sê theo Quyết định số 861/QĐ-TTg là xã đặc biệt khó khăn, không thuộc đối tượng đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025. Tuy nhiên, xã H'Bông đã được UBND tỉnh công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới<sup>3</sup>. Do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị rà soát, điều chỉnh tiêu chí, hệ số phân bổ vốn giai đoạn 2022-2025 cho xã H'Bông từ xã đặc biệt khó khăn (không hỗ trợ) thành xã đạt chuẩn nông thôn mới (hệ số 1).

- Tại Phụ lục 1 Tổng hợp kế hoạch vốn đề nghị bổ sung nội dung để thể hiện rõ vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đã được giao tại Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Tại cột Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của Phụ lục 1, đề nghị bổ sung cụm từ “đối ứng trực tiếp” vào cột “Ngân sách tỉnh” và viết lại như sau: “*Ngân sách tỉnh đối ứng trực tiếp*”.

Ban nhận thấy: Việc UBND tỉnh tính toán tổng phần vốn địa phương đối ứng cho chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 là 1.935,841 tỷ đồng, nếu loại trừ nguồn vốn lồng ghép phân vốn đối ứng trực tiếp chỉ có 260 tỷ đồng, như vậy việc phân bổ nguồn lực của tỉnh cho chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 như trên sẽ rất khó để 10 huyện và 120 xã đạt chuẩn nông thôn mới như Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đã đề ra. Do vậy, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh cần có những giải pháp quyết liệt hơn để hoàn thành mục tiêu của Chương trình.

**\* Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

Đối với nguồn vốn phân bổ cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 16.682 triệu đồng (tại Phụ lục 4 kèm theo dự thảo nghị quyết: ngân sách Trung ương 15.165 triệu đồng và ngân sách tỉnh 1.517 triệu đồng) được thực hiện theo Văn bản số 2006/LĐTBXH-VPQGGN ngày 15/6/2022 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội *hướng dẫn phạm vi, đối tượng phân bổ vốn CTMTQG giảm nghèo bền vững*, chưa có Thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị sau khi có Thông tư của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện vốn đầu tư, UBND tỉnh phân bổ cụ thể nguồn vốn này và báo cáo HĐND tỉnh tại Kỳ họp gần nhất.

<sup>3</sup> Tại Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của UBND tỉnh về việc công nhận xã H'Bông, huyện Chư Sê đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2021.

**\* Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

Đề nghị điều chỉnh tại Phụ lục 2.2 thay “*Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư khu vực biên giới xã Ia Mor*” bằng “*Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Tăng Lăng, làng Hro, làng Sơ Lam, làng Kléch thuộc xã Krong, huyện Kbang*”. Lý do: Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư khu vực biên giới xã Ia Mor đã nằm trong Dự án ổn định dân cư khu vực biên giới - Thủy lợi Ia Mor (giai đoạn 3), huyện Kbang trong giai đoạn 2021-2025 chưa được bố trí dự án sắp xếp, ổn định dân cư.

**3. Đối với thể thức, bộ cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**

**KT, TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trung Kiên**

## BÁO CÁO

### Thẩm tra dự thảo nghị quyết về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết **về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia** (Tờ trình số 1312/TTr-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### 1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ các quy định tại: khoản 5, Điều 6<sup>1</sup>; khoản 1, Điều 40<sup>2</sup> Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ *quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia*; điểm a khoản 5, Điều 2<sup>3</sup> Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ *về việc giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia*; Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, việc HĐND tỉnh quyết định về việc phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia là đúng thẩm quyền.

**2. Về nội dung dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất và đề nghị điều chỉnh một số nội dung sau:

<sup>1</sup> 5. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm của quốc gia, các cơ quan chủ quản chương trình lập, phê duyệt, giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

<sup>2</sup> Điều 40. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:
  - a) Mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương.
  - b) Cơ chế lồng ghép ngân sách giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.
  - c) Cơ chế huy động các nguồn lực khác quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định này.
  - d) Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định này.

<sup>3</sup> 5. Giao các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương là cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia:

- a) Căn cứ dự toán, mục tiêu, nhiệm vụ được giao, thực hiện phân bổ và giao dự toán thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia cho các đơn vị, các cấp sử dụng ngân sách trực thuộc trước ngày 01 tháng 7 năm 2022 đảm bảo đúng quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

- Tại phần căn cứ pháp lý, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bổ sung:

+ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

+ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

+ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

+ Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

+ Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

+ Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia.

Ngoài ra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị rà soát, cập nhật lại biểu Chi tiết phân bổ cho các địa phương theo tiêu chí hệ số thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022 (Phụ lục 3.1 kèm theo Tờ trình số 1312/TTr-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh), trong đó, đưa xã H'Bông từ “Xã đặc biệt khó khăn” thành “Xã đạt chuẩn nông thôn mới”<sup>4</sup>; đồng thời, rà soát, điều chỉnh tiêu chí, hệ số phân bổ vốn năm 2022 cho xã H'Bông từ xã đặc biệt khó khăn (không hỗ trợ) thành xã đạt chuẩn nông thôn mới (hệ số 1).

**3. Đối với thể thức, bộ cục dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**

**KT. TRƯỞNG BAN**

**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trung Kiên**

<sup>4</sup> Xã H'Bông được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới tại Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của UBND tỉnh về việc công nhận xã H'Bông, huyện Chư Sê đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2021.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**  
Số: 136/BC-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Gia Lai, ngày 27 tháng 6 năm 2022*

## BÁO CÁO

### **Thẩm tra dự thảo nghị quyết về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án bảo vệ và phát triển rừng**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết **về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án bảo vệ và phát triển rừng (Tờ trình số 1340/TTr-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh)** và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### **1. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ Khoản 1 Điều 34<sup>1</sup> Luật Đầu tư công năm 2019, việc HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án bảo vệ và phát triển rừng do UBND tỉnh trình là đúng thẩm quyền.

**2. Về nội dung dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất và đề nghị điều chỉnh một số nội dung sau:

- Tại Điều 1, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị chỉnh sửa và viết lại như sau:

**“Điều 1. Điều chỉnh khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 314/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về chủ trương đầu tư các dự án bảo vệ và phát triển rừng, cụ thể như sau:**

#### **1. Quy mô đầu tư:**

**Trồng rừng sản xuất theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg: 11.000 ha.**

+ **Đối tượng thực hiện trồng rừng:** Chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng phải có đất quy hoạch trồng rừng sản xuất được cấp có thẩm quyền giao hoặc được thuê và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đã sử dụng đất ổn định trong vòng 3 năm trở lên không có tranh chấp. Đối với doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức khác, đất trồng rừng sản xuất phải được giao khoán cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng ổn định lâu dài (tối thiểu một chu kỳ).

- **Trồng rừng phòng hộ:** 850 ha.

<sup>1</sup> 1. Cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

+ *Đối tượng thực hiện trồng rừng: Là tổ chức, đơn vị có đủ chức năng, năng lực theo quy định của luật hiện hành.*

**2. Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 314/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về chủ trương đầu tư các dự án Bảo vệ và phát triển rừng”.**

\* Tại buổi thẩm tra, cơ quan tham mưu trình dự thảo nghị quyết đề nghị bổ sung nội dung: “*Nội dung sửa đổi đối tượng thực hiện trồng rừng được áp dụng kể từ khi bắt đầu triển khai dự án*” tại khoản 2 Điều 1 dự thảo nghị quyết. Lý do:

+ Đúng với quy định tại khoản 7, Điều 5 Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp.

+ Đúng với quy định Luật Đầu thầu hiện hành.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy việc bổ sung nội dung này là phù hợp thực tế và đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

- Tại Điều 2, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị:

+ Bổ các cụm từ: “*Điều khoản thi hành*”, “*từ ngày ... tháng ... năm 2022*”, bổ sung các từ, cụm từ: “*Giao*”, “*kể từ ngày ký*” và viết lại như sau:

**“Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.**

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ký”.*

**3. Đối với thể thức, bối cảnh dự thảo nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**

**KT TRƯỞNG BAN**

**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trung Kiên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**  
Số: 137/BC-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Gia Lai, ngày 27 tháng 6 năm 2022*

## BÁO CÁO

Thẩm tra Báo cáo số 88/BC-UBND ngày 23/6/2022 về việc bố trí kinh phí thực hiện Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 quy định về chức danh, bố trí số lượng người, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Qua khảo sát thực tế và làm việc với các Sở: Tài chính, Nội vụ và trên cơ sở xem xét nội dung *Báo cáo việc bố trí kinh phí thực hiện Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 quy định về chức danh, bố trí số lượng người, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai* (Báo cáo số 88/BC-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng báo cáo. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với số liệu bố trí kinh phí thực hiện Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND trên địa bàn tỉnh năm 2022 tại Báo cáo số 88/BC-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh. Cụ thể như sau:

- Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND trên địa bàn tỉnh năm 2022: **399,069 tỷ đồng**.

- Tổng số kinh phí đã bố trí trong dự toán năm 2022: **157,598 tỷ đồng** (*bằng với số Trung ương cân đối cho tỉnh thực hiện khoán Quỹ phụ cấp xã và thôn theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố*).

- Số kinh phí còn thiếu ngân sách tỉnh chưa cấp cho các huyện, thị xã, thành phố: **241,471 tỷ đồng**, gồm:

+ Số chênh lệch khoán quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã giữa mức chi theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND: **22,826 tỷ đồng**.

+ Khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị, xã hội ở cấp xã (5 tổ chức/xã): **19,015 tỷ đồng**.

+ Số chênh lệch khoán quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, làng, tổ dân phố giữa mức chi theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND: **19,109** tỷ đồng.

+ Hỗ trợ hằng tháng đối với chức danh người tham gia trực tiếp vào công việc của thôn, tổ dân phố (06 chức danh): **152,166** tỷ đồng.

+ Hỗ trợ lực lượng công an viên ở nơi không có lực lượng tổ dân phố: **28,355** tỷ đồng.

Như vậy, đến thời điểm thẩm tra, ngân sách tỉnh chưa cân đối cấp cho ngân sách cấp huyện để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định tại Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND. Năm 2022, ngân sách tỉnh chỉ mới bố trí bằng số Trung ương cân đối cho tỉnh để thực hiện khoán Quỹ phụ cấp xã và thôn theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (157,598 tỷ đồng).

- Thực hiện điểm h khoản I.3 Điều 1 Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2022, một số huyện, thị xã, thành phố đã chủ động rà soát, cắt giảm một số nhiệm vụ chi (chủ yếu từ sự nghiệp kinh tế) để bố trí kinh phí thực hiện Nghị quyết 136/2021/NQ-HĐND<sup>1</sup>, tổng kinh phí ngân sách cấp huyện đã chủ động bố trí là **255,888** tỷ đồng. Số kinh phí còn lại chưa được bố trí là **139,508** tỷ đồng<sup>2</sup>.

**2. Đối với phần đánh giá những khó khăn, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với nội dung tại Báo cáo số 88/BC-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh. Tuy nhiên, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị bổ sung một số khó khăn, tồn tại sau đây:**

- Theo quy định tại Mục 3.7.2 Điều 11<sup>3</sup> Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, kinh phí thực hiện Nghị quyết 136/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh do ngân sách tỉnh đảm bảo và được phân bổ bổ sung cho các huyện, thị xã, thành phố trong trợ cấp cân đối cho thời kỳ 2022 - 2025.

Giai đoạn 2022-2025, thực hiện Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022, theo đó dân số tỉnh Gia Lai được phân theo 4 vùng (vùng đô thị, vùng khó khăn, vùng đặc biệt

<sup>1</sup> Thị xã: Ayun Pa, An Khê, các huyện: Chu Prông, Đak Đoa, Krông Pa, Kông Chro, Ia Grai, Kbang, thành phố Pleiku,...

<sup>2</sup> Theo số liệu tại Phụ lục số 02 - Báo cáo số 88/BC-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh.

<sup>3</sup> ...

- Phân bổ bổ sung:

+ Kinh phí phụ cấp hằng tháng cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã; kinh phí phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; kinh phí bồi dưỡng hằng tháng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn; khoán kinh phí hoạt động hàng tháng của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; phụ cấp Đại biểu Hội đồng nhân dân xã; phụ cấp cấp ủy xã.

khó khăn và vùng còn lại) tương ứng với định mức chi theo dân số được phân bổ theo 4 vùng khác nhau. Giai đoạn 2017-2020, toàn bộ dân số tỉnh Gia Lai được công nhận là vùng cao, tương ứng với định mức chi cao nhất. Do đó, trong giai đoạn 2022-2025, Gia Lai không còn được ưu đãi về việc giao kinh phí chi thường xuyên như của giai đoạn 2017-2020. Tuy nhiên, UBND tỉnh chưa đề xuất biện pháp kịp thời để đảm bảo việc thực hiện Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND, dẫn đến năm 2022 ngân sách tỉnh chưa bố trí kinh phí để đảm bảo thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND (chỉ mới bố trí bằng số Trung ương cân đối cho tỉnh để thực hiện khoán Quỹ phụ cấp xã và thôn theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP).

- Qua khảo sát, Ban nhận thấy việc tự cân đối để thực hiện nhiệm vụ tại Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND nằm ngoài khả năng ngân sách của một số địa phương, số kinh phí còn thiếu rất lớn và một số huyện, thị xã không cân đối được nguồn<sup>4</sup>, có địa phương chỉ mới bố trí kinh phí chi trả đến tháng 5/2022 và tháng 6/2022<sup>5</sup>. Đồng thời, các địa phương đều xây dựng dự toán nhu cầu kinh phí để bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố ở mức tối đa, chưa tính toán theo số thực tế, do vậy, số kinh phí năm 2022 của các huyện, thị xã, thành phố chưa sát với thực tế. Bên cạnh đó, việc bố trí kiêm nhiệm đối với các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố còn ít<sup>6</sup>.

**3. Đối với phần đề xuất, kiến nghị tại Báo cáo số 88/BC-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh chưa thông nhất, do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề xuất một số kiến nghị sau:**

- Kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính:

+ Phối hợp với các cơ quan liên quan và các địa phương khẩn trương rà soát, kiểm tra số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố và mức bồi dưỡng hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố thực hiện trên thực tế sát với yêu cầu nhiệm vụ, làm cơ sở để xác định tổng nhu cầu kinh phí thực tế để thực hiện Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

+ Rà soát, tham mưu UBND tỉnh cân đối nguồn kinh phí để cấp đủ cho cấp huyện thực hiện Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND trong năm 2022 theo đúng nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 đã được HĐND tỉnh thông qua.

- Kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ:

+ Tăng cường phối hợp, hướng dẫn cho địa phương sắp xếp bộ máy tinh gọn, tăng cường bố trí hoạt động kiêm nhiệm đối với các chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố, nhằm đảm bảo thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 22/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổ

<sup>4</sup> Thị xã Ayun Pa, các huyện: Ia Pa, Phú Thiện, Đak Pơ, Kông Chro, Ia Grai,...

<sup>5</sup> Thị xã Ayun Pa, các huyện: Đức Cơ, Krông Pa, Kông Chro,...

<sup>6</sup> Riêng thành phố Pleiku bố trí kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã là 42 người và bố trí kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố là 90 người.

*chức đại hội chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở và bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố nhiệm kỳ 2022-2025<sup>7</sup>.*

+ Nghiên cứu, tham mưu kiến nghị đối với Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 cho phép các chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được kiêm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm chức danh người tham gia trực tiếp vào công việc ở thôn, tổ dân phố và hưởng bồi dưỡng kiêm nhiệm.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trung Kiên**

---

<sup>7</sup> 3. Phản đấu nhiệm kỳ 2022-2025 có 90% trưởng thôn là đảng viên (trong đó có 60% bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn).

## BÁO CÁO

**Thẩm tra Báo cáo số 89/BC-UBND ngày 23/6/2022 về việc rà soát các khoản chi cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế theo khả năng cân đối ngân sách địa phương để thực hiện Nghị quyết số 285/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh về phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Qua khảo sát thực tế và làm việc với Sở Tài chính, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và trên cơ sở xem xét nội dung **Báo cáo việc rà soát các khoản chi cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế theo khả năng cân đối ngân sách địa phương để thực hiện Nghị quyết số 285/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh về phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025** (Báo cáo số 89/BC-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng báo cáo. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với số liệu bố trí kinh phí thực hiện Nghị quyết số 285/NQ-HĐND trên địa bàn tỉnh năm 2022 tại Báo cáo số 89/BC-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh.

- Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị quyết số 285/NQ-HĐND (Theo Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh) là **795,974** tỷ đồng, trong đó: ngân sách cấp tỉnh là **181,261** tỷ đồng, ngân sách cấp huyện là **221,580** tỷ đồng, ngân sách cấp xã là **393,133** tỷ đồng. Riêng năm 2022 kinh phí thực hiện Đề án là: **159,063** tỷ đồng (trong đó ngân sách cấp tỉnh: **34,5** tỷ đồng, ngân sách cấp huyện: **46,612** tỷ đồng, ngân sách cấp xã: **77,949** tỷ đồng).

- Theo nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị quyết số 285/NQ-HĐND trong năm 2022 (được xác định trong Đề án 2328/ĐA-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh) là **124,562** tỷ đồng. Tổng số kinh phí từ nguồn ngân sách các huyện, thị xã, thành phố đã bố trí trong năm 2022 để thực hiện Nghị quyết số 285/NQ-HĐND là: **97,749** tỷ đồng. Như vậy, số kinh phí chưa bảo đảm nguồn để thực hiện là **26,813** tỷ đồng.

- Tuy nhiên, số kê hoạch kinh phí các địa phương rà soát các khoản chi để thực hiện Nghị quyết số 285/NQ-HĐND trong năm 2022 theo báo cáo của Sở Tài chính là **132,863** tỷ đồng (cao hơn số kinh phí dự kiến đã được phê chuẩn tại Nghị quyết số 285/NQ-HĐND (Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh: 124,5 tỷ đồng) là **8,3** tỷ đồng).

Như vậy, đến thời điểm thẩm tra, ngân sách cấp tỉnh đã cân đối bố trí đảm bảo cho các nhiệm vụ chi của cấp tỉnh là **34,5** tỷ đồng; ngân sách cấp huyện, cấp xã còn thiếu chưa bố trí so với Đề án 2328/ĐA-UBND là **26,813** tỷ đồng; ngân sách cấp huyện, cấp xã còn thiếu chưa bố trí so với Kế hoạch cấp huyện xây dựng để thực hiện Đề án số 2328/ĐA-UBND là **35,114** tỷ đồng.

**2. Đối với phần đánh giá những khó khăn, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với nội dung tại Báo cáo số 88/BC-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị bổ sung một số khó khăn, tồn tại sau đây:**

- Theo quy định tại Mục 3.6.1 Điều 11<sup>1</sup> Quy định kèm theo Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh cấp huyện tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về việc *quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai*, kinh phí thực hiện Nghị quyết 285/NQ-HĐND do ngân sách tỉnh đảm bảo và được phân bổ bổ sung cho các huyện, thị xã, thành phố cho thời kỳ 2022 - 2025. Năm 2022 ngân sách tỉnh đã bố trí đủ kinh phí cho các nhiệm vụ chi thuộc cấp tỉnh, cấp huyện tự cân đối từ nguồn chi cho Quốc phòng và chủ động cắt giảm nguồn sự nghiệp kinh tế và các nhiệm vụ chi khác để bố trí đảm bảo thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 285/NQ-HĐND (Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh)<sup>2</sup>, trong đó có 04 địa phương đã phân bổ vượt kinh phí so với Đề án<sup>3</sup>, 03 địa phương bố trí kinh phí rất thấp so với Đề án<sup>4</sup>.

- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 285/NQ-HĐND (kèm theo Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh) quy định phân cấp cho ngân sách tỉnh, huyện, xã phải đảm bảo, tuy nhiên, việc giao cho ngân sách huyện, xã số kinh phí quá lớn, ngân sách huyện, xã không đảm bảo nguồn để thực hiện.

- Qua khảo sát thực tế cho thấy đa số địa phương xây dựng Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn chưa bám sát theo nội dung và nguồn kinh phí đã được quy định tại Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh (đã được HĐND tỉnh Gia Lai phê chuẩn tại Nghị quyết số 285/NQ-HĐND ngày 10/12/2020); một số địa

<sup>1</sup> 3.6.1. b) Phân bổ bổ sung:

- Bổ sung để tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh biên giới (bao gồm kinh phí thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”): 1.000 triệu đồng/xã biên giới/năm.

- Bổ sung để đảm bảo hoạt động của Tiểu đội dân quân thường trực ở 07 xã biên giới và 01 xã nội địa : 662,5 triệu đồng/tiểu đội/năm.

- Bổ sung để tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ do huyện, thị xã, thành phố thực hiện theo Đề án số 2328/ĐA-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn tại Nghị quyết 285/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025.

Định mức phân bổ quy định tại mục 3.6.1, điểm 3.6, khoản 3, Điều 11 Quy định này đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí hoạt động quốc phòng, an ninh đã phân cấp cho cấp huyện.

<sup>2</sup> Trong đó, tổng kinh phí đã bố trí từ ngân sách cấp huyện tại các địa phương khảo sát thực tế là 19.115,828 tỷ đồng (có Phụ lục 02 kèm theo).

<sup>3</sup> Huyện König Chro: vượt 62 triệu đồng, huyện Chu Prông: vượt 3,29 triệu đồng, huyện Ia Pa: vượt 3,177 triệu đồng và huyện Đức Cơ: vượt 21 triệu đồng.

<sup>4</sup> Thị xã Ayun Pa: 30,7%, huyện Kbang: 19,07%, huyện Phú Thiện: 24,76%.

phương xây dựng dự toán vượt so với Đề án<sup>5</sup>, một số khoản chi nằm ngoài, vượt nhiệm vụ chi được quy định tại Đề án<sup>6</sup>, dẫn đến số dự toán nhu cầu kinh phí cao hơn số kinh phí đã quy định tại Đề án.

- Một số địa phương bố trí 100% nguồn sự nghiệp quốc phòng, an ninh được ngân sách tỉnh phân bổ năm 2022 (theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh) để thực hiện Nghị quyết 285/NQ-HĐND<sup>7</sup>, ngoài ra một số địa phương tự cân đối để bố trí thêm để thực hiện Nghị quyết 285/NQ-HĐND<sup>8</sup>. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy việc bố trí toàn bộ nguồn sự nghiệp quốc phòng, an ninh để thực hiện Nghị quyết 285/NQ-HĐND là chưa phù hợp, nếu các nhiệm vụ chi khác thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh khi thực hiện sẽ không có nguồn để đảm bảo.

**3. Đối với phần đề xuất, kiến nghị tại Báo cáo số 89/BC-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh chưa thống nhất, do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề xuất một số kiến nghị sau đây:**

- Kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính: Rà soát, tham mưu UBND tỉnh cân đối nguồn kinh phí để cấp đủ cho cấp huyện thực hiện Nghị quyết 285/NQ-HĐND trong năm 2022 theo đúng nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 đã được HĐND tỉnh thông qua.

- Kiến nghị UBND tỉnh giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:

+ Phối hợp với Sở Tài chính xác định nhu cầu kinh phí thực tế tại các địa phương để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chi, mục tiêu của Đề án số 2328/ĐA-UBND trên tinh thần tiết kiệm, tránh lãng phí.

+ Có kế hoạch kiểm tra, hướng dẫn việc xây dựng dự toán hàng năm thực hiện Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố, khắc phục tình trạng dự toán một số nhiệm vụ chi không có trong Đề án, không đúng quy định và một số nhiệm vụ chi có trong đề án không được bố trí kinh phí.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Noi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trung Kiên**

<sup>5</sup> Huyện Đức Cơ; huyện Chu Pôh; Chu Păh, Ia Pa.

<sup>6</sup> - Định mức xây dựng mới nhà làm việc Ban Chỉ huy Quân sự xã theo quy định tại Đề án 2328/ĐA-UBND: 600 triệu đồng/nhà; tuy nhiên, Huyện Chu Pôh xây dựng kế hoạch và dự toán: 1.200 triệu đồng/nhà.

- Huyện Chư Sê dự toán nội dung chi “huấn luyện dự bị động viên” không có trong nội dung quy định tại Nghị quyết số 285/NQ-HĐND; huyện Chư Prông dự toán “chi trả cho đội xung kích phòng chống thiên tai” không có trong nội dung quy định tại Nghị quyết số 285/NQ-HĐND.

<sup>7</sup> Các huyện: Chư Sê, Ia Pa, Chư Prông, Chư Păh,...

<sup>8</sup> Thị xã Ayun Pa bố trí 1.321,672 triệu đồng; huyện Chư Prông bố trí 7.657 triệu đồng; huyện Ia Pa bố trí 6.578 triệu đồng; ....

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**  
Số: 139/BC-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Gia Lai, ngày 27 tháng 6 năm 2022*

## BÁO CÁO

### **Thẩm tra Báo cáo số 78/BC-UBND ngày 15/6/2022 tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung ***Báo cáo tình hình  
thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm  
vụ 6 tháng cuối năm 2022*** (Báo cáo số 78/BC-UBND ngày 15/6/2022 của UBND  
tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại  
biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên  
môn được UBND tỉnh giao xây dựng báo cáo. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND  
tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### **1. Về thẩm quyền**

Căn cứ Khoản 1 Điều 59 Luật Hoạt động, giám sát của Quốc hội và  
HĐND năm 2015, HĐND tỉnh xem xét báo cáo của UBND tỉnh về công tác  
thực hành tiết kiệm chống lãng phí 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6  
tháng cuối năm 2022 của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh là đúng quy định.

#### **2. Về nội dung**

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với ***công tác thực  
hành tiết kiệm chống lãng phí 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng  
cuối năm 2022*** như Báo cáo số 78/BC-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức  
chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt nhiều kết quả như đã tăng  
cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định  
của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; các sở, ban, ngành và địa  
phương đã nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh ban hành chương trình  
thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 theo quy định; thực hiện công tác  
thanh tra, kiểm tra;.... Qua đó, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6  
tháng đầu năm đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ như: Tổng số kinh phí  
đã tiết kiệm được 6 tháng đầu năm 2022 là 310.887,55 triệu đồng, trong đó có  
một số khoản tiết kiệm tương đối lớn như: Tiết kiệm chi thường xuyên 10% để  
thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương là 281.205 triệu đồng; thực hành tiết  
kiệm trong sử dụng, thanh quyết toán ngân sách nhà nước 16.725,23 triệu đồng;  
thực hành tiết kiệm trong thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh: 4.966,58  
triệu đồng. Số liệu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với việc thực hiện Đề

án chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công để Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thực hiện nêu trong báo cáo được đánh giá theo Đề án, không phải đánh giá trong 6 tháng đầu năm 2022. Do vậy, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị tại báo cáo kết quả số kinh phí đã tiết kiệm được đối với nội dung này so với Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của UBND tỉnh tại báo cáo cuối năm 2022 trình HĐND tỉnh.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân UBND tỉnh đã đề cập trong báo cáo. Tuy nhiên, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy còn tồn tại tình trạng một số đơn vị chưa ban hành, ban hành chậm Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 và chưa có báo cáo tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2022; đồng thời, các địa phương, đơn vị chưa tiến hành thanh tra chuyên đề về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí mà chỉ thực hiện cuộc thanh tra lồng ghép nội dung liên quan thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Do vậy, đề nghị UBND tỉnh có giải pháp triển khai, nhắc nhở, chấn chỉnh các đơn vị để khắc phục tình trạng này trong thời gian tới.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trung Kiên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**  
Số: 140/BC-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Gia Lai, ngày 27 tháng 6 năm 2022*

## BÁO CÁO

### **Thẩm tra Báo cáo số 79/BC-UBND ngày 15/6/2022 tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2022**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung **Báo cáo thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2022** (Báo cáo số 79/BC-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng báo cáo. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2022 như Báo cáo UBND tỉnh trình. Cụ thể:

#### **(1) Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm**

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 3.056 tỷ đồng, đạt 56,4% dự toán Trung ương giao, đạt 52,4% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 85,6% so với cùng kỳ, có 11/15 khoản thu đạt và vượt dự toán<sup>1</sup>, 04/15 khoản thu không đạt dự toán HĐND tỉnh giao<sup>2</sup>. Có 15/17 huyện, thị xã, thành phố và Văn phòng Cục thuế tỉnh ước thu đạt, vượt dự toán<sup>3</sup>, 02/17 huyện ước thu chưa đạt dự toán đề ra<sup>4</sup> (kể cả tiền sử dụng đất). Nếu không kể tiền sử dụng đất thì có 15/18 đơn vị ước thu đạt và vượt dự toán, 03/18 đơn vị ước thu không đạt dự toán.

- Chi ngân sách địa phương thực hiện 5.774,2 tỷ đồng, bằng 50,8% dự toán Trung ương giao, đạt 43% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 14,3% so với cùng kỳ. UBND tỉnh đã chủ động điều hành dự toán chi ngân sách địa phương tiết kiệm, đảm bảo được các nhiệm vụ chi cần thiết theo dự toán HĐND tỉnh giao.

Tuy nhiên, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

#### **\* Đối với thực hiện dự toán thu**

- Đề nghị UBND tỉnh làm rõ và bổ sung vào báo cáo nguyên nhân thu tiền

<sup>1</sup>Gồm: Khoản thu từ DN NN Trung ương; khoản thu từ DN NN địa phương; khoản thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài; thu thuế công thương nghiệp ngoại quốc doanh; thu lệ phí trước bạ; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế thu nhập cá nhân; thu phí và lệ phí; thu cấp quyền khai thác khoáng sản; thu phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế thực hiện; các khoản thu do cơ quan tài chính quản lý.

<sup>2</sup>Gồm: Thuế bảo vệ môi trường; thu tiền sử dụng đất; thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước; thu xổ số kiến thiết.

<sup>3</sup>Gồm: Huyện Đức Cơ 118%; huyện Ia Pa 117,9%; huyện Chư Prông 106%; huyện Ia Grai 96,4%; huyện Đak Pơ 87,5%; huyện Kông Chro 78,4%; thị xã An Khê 66,3%; huyện Mang Yang 64,8%; thị xã Ayun Pa 64,3%; huyện KBang 61,1%; huyện Chư Puh 55,6%; huyện Phú Thiện 55,4%; huyện Chư Sê 53,8%; thành phố Pleiku 52,2%; huyện Chư Păh 51,8%; Văn phòng Cục Thuế 52,7%.

<sup>4</sup>Huyện Krông Pa 39,5%; huyện Đak Đoa 12,8%

sử dụng đất không đạt dự toán. Trong đó, có nguyên nhân “Việc thực hiện phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 còn 03 đơn vị chưa được phê duyệt (gồm: thành phố Pleiku, huyện Chư Puh, huyện Chư Prông) và kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của cấp huyện còn chậm (còn 17/17 đơn vị cấp huyện chưa được phê duyệt)”, dẫn đến các dự án giao đất, đấu giá đất có thu tiền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh triển khai chậm.

- Đối với tình hình nợ thuế: Tính đến thời điểm 30/6/2022, tổng nợ thuế toàn ngành 531,3 tỷ, giảm so với 31/12/2021 là 117,1 tỷ (giảm 18,6%); giảm 249,6 tỷ so với cùng kỳ (giảm 32%), trong đó: Nợ khó thu: 26,6 tỷ đồng; nợ chờ xử lý: 61,2 tỷ đồng, đang trình các cấp có thẩm quyền xử lý xóa nợ, nợ đang khiếu nại, khiếu kiện, nợ có khả năng thu: 443,5 tỷ đồng. Như vậy, khoản nợ có khả năng thu còn chiếm tỷ lệ cao. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Cục thuế tỉnh có giải pháp tích cực hơn nữa để giảm tỷ lệ nợ thuế.

#### \* Đối với thực hiện dự toán chi

Đa số các huyện, thị xã, thành phố thực hiện chi ngân sách đạt thấp (chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên đều đạt thấp), 12/17 huyện, thành phố có số chi ngân sách dưới 50%<sup>5</sup> nhưng tại Báo cáo của UBND tỉnh chưa đánh giá nguyên nhân các địa phương thực hiện chi ngân sách đạt thấp, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bổ sung phần nguyên nhân.

#### (2) Đối với một số giải pháp chủ yếu thực hiện dự toán thu, chi NSNN 06 tháng cuối năm 2022

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với những giải pháp chủ yếu do UBND tỉnh đề ra, đề nghị sau khi đánh giá các tồn tại, nguyên nhân, UBND tỉnh bổ sung các giải pháp để tổ chức thực hiện trong 06 tháng cuối năm 2022.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

#### Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**

**KT. TRƯỞNG BAN**  
**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trung Kiên**

<sup>5</sup> Các huyện: Chư Sê, Chư Păh, Ia Grai, Mang Yang, Krông Pa, Ia Pa, Đăk Pơ, Đức Cơ, Đăk Đoa, Chư Puh, Kông Chro và thành phố Pleiku

## BÁO CÁO

### Thẩm tra dự thảo nghị quyết về tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 (thuộc lĩnh vực kinh tế)

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo nghị quyết **về tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022** (*Báo cáo số 84/BC-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh*) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022 về lĩnh vực kinh tế, báo cáo đã thể hiện đầy đủ những công việc trọng tâm mà UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo trong thời gian qua. Trong 6 tháng đầu năm 2022, UBND tỉnh đã tổ chức thành công Tuần lễ các sự kiện chào mừng 90 năm Ngày thành lập tỉnh Gia Lai (24/5/1932 - 24/5/2022)<sup>1</sup>; thị xã An Khê và thị xã Ayun Pa được Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020; giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14,31% so với cùng kỳ; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 8,75%; tổng thu ngân sách: 3.056 tỷ đồng, đạt 56,4% dự toán Trung ương giao, 52,4% dự toán HĐND tỉnh giao; chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) năm 2021 của tỉnh đứng thứ 26 toàn quốc, đứng thứ 2 khu vực Tây Nguyên, tăng 12 bậc so với năm 2020<sup>2</sup>.

Tuy nhiên, bên cạnh đó việc quản lý, điều hành của UBND tỉnh gặp một số khó khăn, tồn tại, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh đánh giá bổ sung, phân tích nguyên nhân của các tồn tại, tập trung xử lý và triển khai các giải pháp để thực hiện tốt hơn trong 6 tháng cuối năm 2022, trong đó, tích cực quan tâm giải quyết một số nội dung sau:

<sup>1</sup> Cụ thể: Diễn đàn kết nối Tây Nguyên; Hội nghị xúc tiến đầu tư; Lễ kỷ niệm 90 năm ngày thành lập tỉnh, đón nhận và công bố di sản thiên nhiên, di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của tỉnh (đón nhận Bằng chứng nhận Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Núm của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp Quốc (UNESCO); đón nhận Bằng xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt Quần thể di tích Tây Sơn Thượng đạo; Bằng xếp hạng di tích khảo cổ quốc gia Rộc Tung - Gò Đá); Hội chợ quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng khu vực Tây Nguyên, duyên hải miền Trung và sản phẩm đặc trưng của Nhật Bản; Chương trình “Gặp gỡ Gia Lai – Nhật Bản 2022”, tiếp nhận và trồng hoa Anh Đào; làm việc với đoàn công tác Trung ương do Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì; tổ chức các đoàn đi thăm và tặng quà các đồng chí nguyên lãnh đạo tỉnh nhân dịp 90 năm ngày thành lập tỉnh.

<sup>2</sup> Theo công bố của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

- Việc thực hiện phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện còn chậm. Hiện nay, có 14/17 huyện, thị xã, thành phố (trừ 03 địa phương: Pleiku, Chư Prông, Chư Pưh) đã phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030, chưa có địa phương nào phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện, ảnh hưởng đến việc triển khai các dự án liên quan đến đất đai, thu tiền sử dụng đất và thu hút đầu tư trên địa bàn. Đề nghị UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện nội dung này.

- Đối với các tồn tại ở lĩnh vực nông nghiệp đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, bổ sung các nội dung tại Báo cáo kết quả giám sát của HĐND tỉnh về giám sát *Kết quả thực hiện Kế hoạch hành động “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Gia Lai theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu, giai đoạn 2016-2020”* để có những giải pháp tích cực hơn trong thời gian đến.

- Việc thực hiện và giải ngân xây dựng cơ bản rất chậm, tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 đã giao 3 đợt và vốn kéo dài năm 2021 sang năm 2022 tiếp tục thực hiện là 4.074,688 tỷ đồng, tính đến ngày 16/6/2022 đã giải ngân 768,67 tỷ đồng, đạt 18,86% kế hoạch, trong đó: Kế hoạch giao mới năm 2022 đã giải ngân 700,6 tỷ đồng, đạt 19,17% kế hoạch (vốn ngân sách địa phương giải ngân 533,83 tỷ đồng, đạt 22,18% kế hoạch; vốn ngân sách Trung ương giải ngân 166,764 tỷ đồng, đạt 13,37% kế hoạch). Đề nghị UBND tỉnh phân tích rõ nguyên nhân và tăng cường các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân xây dựng cơ bản.

- Hiện nay, một số án năng lượng tái tạo (dự án điện gió) đã hoàn thành nhưng chưa được đưa vào vận hành, đề nghị UBND tỉnh tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp kiến nghị Trung ương để sớm đưa các dự án điện gió vào hoạt động.

- Đề nghị bổ sung mục 5 Điều 1 tại dự thảo nghị quyết: “*Triển khai, thực hiện kịp thời, đầy đủ các kiến nghị thông qua giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Ủy ban Mật trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh*”.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**

**KT. TRƯỞNG BAN**

**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trung Kiên**

Gia Lai, ngày 02 tháng 7 năm 2022

## BÁO CÁO

### Thẩm tra dự thảo nghị quyết về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án thoát nước và xử lý nước thải (giai đoạn 1) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, ngày 01/7/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra dự thảo nghị quyết về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án thoát nước và xử lý nước thải (giai đoạn 1) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 1416/TTr-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh) do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung dự thảo Nghị quyết và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của đại diện Văn phòng UBND tỉnh, lãnh đạo Sở Kế hoạch đầu tư, UBND thành phố Pleiku và các cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### 1. Cơ sở pháp lý:

Căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 1<sup>1</sup> Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự; việc HĐND tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án do UBND tỉnh trình là đúng thẩm quyền.

#### 2. Về hồ sơ

Dự án do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đảm bảo hồ sơ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 114/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

#### 3. Về nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn; giai đoạn trả nợ; nghĩa vụ trả nợ của tỉnh Gia Lai

##### 3.1. Về nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn

Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn và dự kiến bố trí vốn: Dự án có tổng mức đầu tư 1.039,469 tỷ đồng, trong đó vốn ODA của Chính phủ Phần Lan: 733,199 tỷ

<sup>1</sup> Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý, trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều này.

đồng, vốn đối ứng: 360,270 tỷ đồng dự kiến bố trí: 116,762 tỷ đồng từ nguồn vốn đối ứng các dự án ODA dự kiến khởi công mới trong trung hạn giai đoạn 2021-2025 và phần vốn còn lại bố trí trong trung hạn giai đoạn 2026-2030 là phù hợp.

### 3.2. Giai đoạn trả nợ

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Năm	Dư nợ	Trả nợ gốc (%)	Trả nợ gốc	Phí quản lý vay lãi	Tổng nợ trả
1/1/2027	135.825,11	5,00%	7.149	169,78	7.318,47
1/7/2027	128.676,42	5,00%	7.149	160,85	7.309,54
1/1/2028	121.527,73	5,00%	7.149	151,91	7.300,60
1/7/2028	114.379,04	5,00%	7.149	142,97	7.291,66
1/1/2029	107.230,35	5,00%	7.149	134,04	7.282,73
1/7/2029	100.081,66	5,00%	7.149	125,10	7.273,79
1/1/2030	92.932,97	5,00%	7.149	116,17	7.264,86
1/7/2030	85.784,28	5,00%	7.149	107,23	7.255,92
1/1/2031	78.635,59	5,00%	7.149	98,29	7.246,98
1/7/2031	71.486,90	5,00%	7.149	89,36	7.238,05
1/1/2032	64.338,21	5,00%	7.149	80,42	7.229,11
1/7/2032	57.189,52	5,00%	7.149	71,49	7.220,18
1/1/2033	50.040,83	5,00%	7.149	62,55	7.211,24
1/7/2033	42.892,14	5,00%	7.149	53,62	7.202,31
1/1/2034	35.743,45	5,00%	7.149	44,68	7.193,37
1/7/2034	28.594,76	5,00%	7.149	35,74	7.184,43
1/1/2035	21.446,07	5,00%	7.149	26,81	7.175,50
1/7/2035	14.297,38	5,00%	7.149	17,87	7.166,56
1/1/2036	7.148,69	5,00%	7.149	8,94	7.157,63
1/7/2036	0,00	5,00%	7.149	0,00	7.148,69
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>100,00%</b>	<b>142.973,81</b>	<b>2.287,58</b>	<b>145.261,39</b>

### 3.3. Nghĩa vụ trả nợ của tỉnh Gia Lai

DVT: Triệu đồng

Năm	Trả gốc các dự án hiện tại	Trả lãi, phí các dự án hiện tại	Nghĩa vụ trả nợ dự án	Nghĩa vụ trả nợ tổng cộng của tỉnh	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	Tỉ lệ nghĩa vụ trả nợ hàng năm trên thu NSDP hưởng theo phân cấp
2020	59.135	31.521		90.656	4.589.270	1,98%
2021	60.139	40.166		100.305	5.139.982	1,95%
2022	90.450	48.115		138.565	5.756.780	2,41%
2023	90.450	46.294		136.744	6.447.594	2,12%
2024	90.450	44.540		134.990	7.221.305	1,87%
2025	61.940	43.469		105.409	8.087.862	1,30%
2026	61.940	42.467		104.407	9.058.405	1,15%
2027	70.175	41.423	14.628,01	126.226	10.145.414	1,24%
2028	70.175	41.347	14.592,26	126.114	11.362.864	1,11%
2029	70.175	40.387	14.556,52	125.119	12.726.407	0,98%
2030	70.175	39.476	14.520,78	124.172	14.253.576	0,87%

#### 4. Đối với nội dung dự thảo nghị quyết

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cơ bản thống nhất và đề nghị điều chỉnh một số nội dung sau:

\* **Tại phần căn cứ pháp lý**, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị:

- Bổ sung các căn cứ sau:

(1) Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư công;

(2) Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

- Bổ các căn cứ sau:

(1) Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập hội đồng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn nhóm A và giao nhiệm vụ thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do UBND tỉnh Gia Lai quản lý;

(2) Căn cứ văn bản số 391/UBND-KTTH ngày 04/3/2022 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án Thoát nước và xử lý nước thải (giai đoạn 1) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

(3) Công văn số 2363/BXD-HTKT ngày 29/6/2022 của Bộ Xây dựng về góp ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Thoát nước và xử lý nước thải (giai đoạn 1) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;

(4) Công văn số 6233/BTC-QLN ngày 30/6/2022 của Bộ Tài chính về góp ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Thoát nước và xử lý nước thải (giai đoạn 1) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;

(5) Công văn số 4375/BKH-KTĐN ngày 29/6/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về góp ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Thoát nước và xử lý nước thải (giai đoạn 1) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;

(6) Căn cứ công văn số 3453/BTNMT-TCMT ngày 20/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Thoát nước và xử lý nước thải (giai đoạn 1) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;

(7) Công văn số 2661/BNG-CÂU ngày 30/6/2022 của Bộ Ngoại giao về góp ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Thoát nước và xử lý nước thải (giai đoạn 1) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;

\* **Tại phần nội dung:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Thoát nước và xử lý nước thải (giai đoạn 1) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, với những nội dung cụ thể sau:

1. Cơ quan chủ quản: UBND tỉnh Gia Lai.

2. Nhà tài trợ: Chính phủ Phần Lan.

3. Mục tiêu: Góp phần giảm bớt nguy cơ ngập úng đô thị vào mùa mưa, đặc biệt các điểm bị ngập nặng hiện tại; tách nước mưa và nước thải, giảm thiểu xả nước thải chưa xử lý vào nguồn nước tiếp nhận, thu gom nước thải sinh hoạt của khu vực dự án về nhà máy xử lý; xử lý nước thải đạt các tiêu chuẩn do bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

4. Quy mô và nội dung đầu tư (ở bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư quy mô là dự kiến; quy mô dự án được xác định cụ thể ở bước lập dự án):

Dự án gồm 2 hợp phần:

- Hợp phần 1: Xây mới khoảng 35,8km tuyến cống bao thu gom nước thải và tuyến ống áp lực; Xây mới các trạm bơm thoát nước; Xây dựng mới nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất giai đoạn 1 khoảng  $20.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

- Hợp phần 2: Tư vấn Hồ trợ kỹ thuật và thực hiện đầu tư.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

6. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2026.

7. Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, gồm:

Tổng vốn thực hiện dự án: 1.093,469 tỷ đồng tương đương khoảng 41,262 triệu Euro, trong đó:

+ Vốn ODA của Chính phủ Phần Lan: 27,667 triệu Euro tương đương

khoảng 733,199 tỷ đồng, bao gồm: (i) Vốn vay: 17,984 triệu Euro; (ii) Vốn viện trợ không hoàn lại: 9,683 triệu Euro.

+ Vốn đối ứng: 360,270 tỷ đồng tương đương khoảng 13,595 triệu Euro.

8. Cơ chế tài chính trong nước và phương thức cho vay lại:

+ Đối với phần vốn vay nước ngoài: UBND tỉnh Gia Lai thực hiện vay lại 30% giá trị khoản vay là 5,395 triệu Euro, tương đương khoảng 142,974 tỷ đồng. Ngân sách nhà nước cấp phát 70% giá trị khoản vay là 12,588 triệu Euro, tương đương khoảng 333,605 tỷ đồng.

+ Vốn đối ứng: UBND tỉnh Gia Lai chịu trách nhiệm bố trí toàn bộ vốn đối ứng để thực hiện dự án.

+ Đề nghị UBND thành phố Pleiku chịu trách nhiệm trả nợ khoản vay lại và phí quản lý vay lại: 145.261.39 triệu đồng. Lý do: Tại Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (Mục 5.6 Phương án trả nợ vốn vay - trang 25) đã xây dựng phương án như sau: “Việc trả nợ phần vốn vay lại từ phía Chính phủ sẽ được UBND tỉnh Gia Lai và Chủ đầu tư cân đối dựa trên các cơ sở sau:

- Cân đối doanh thu từ điều kiện thu - chi hàng năm của thành phố cũng như của tỉnh Gia Lai.

- Doanh thu từ phí thoát nước sau khi dự án được hoàn thành theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải. Sẽ tiến hành thu phí thoát nước từ các hộ gia đình, các doanh nghiệp sản xuất nhỏ...

- Doanh thu từ các giá trị gia tăng Thuế do điều kiện môi trường được cải thiện sẽ thu hút thêm các nhà đầu tư, từ đó có thêm doanh thu cho tỉnh”.

\* Đề nghị UBND tỉnh hoàn chỉnh thủ tục, trình HĐND tỉnh bổ sung Dự án này vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại Kỳ họp HĐND tỉnh lần sau.

**4. Đối với thể thức, bộ cục dự thảo Nghị quyết:** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị cơ quan trình dự thảo nghị quyết chính sửa thể thức, bộ cục dự thảo Nghị quyết theo đúng mẫu IVc Nghị định số 114/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**



Nguyễn Đình Phượng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI  
Số: 146/BC-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Gia Lai, ngày 02 tháng 7 năm 2022

### BÁO CÁO

#### Thẩm tra dự thảo nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hỗ trợ phát triển khu vực Biên giới, vay vốn ADB -Tiểu dự án tỉnh Gia Lai (bổ sung)

Ngày 20/6/2022, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 1310/TTr-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ phát triển khu vực Biên giới, vay vốn ADB - Tiểu dự án tỉnh Gia Lai và Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã có Báo cáo thẩm tra số 132/BC-HĐND ngày 27/6/2022 (có Báo cáo số 132/BC-HĐND kèm theo), qua đó, Ban đề nghị UBND tỉnh bổ sung nội dung đề nghị điều chỉnh kéo dài thời gian thực hiện vào tờ trình để HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Ngày 28/6/2022, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 1391/TTr-UBND ngày 28/6/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ phát triển khu vực Biên giới, vay vốn ADB - Tiểu dự án tỉnh Gia Lai; qua đó, UBND tỉnh đề nghị bổ sung nội dung: "Thời gian thực hiện dự án: đến ngày 31/12/2023".

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy: Trên cơ sở Biên bản ghi nhớ của Phái đoàn thường trú tại Việt Nam và căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 11 Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thị hành án dân sự, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất theo đề xuất của UBND tỉnh về điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đến hết ngày 31/12/2023 nhằm sử dụng vốn dư để giải quyết kiến nghị của cử tri huyện Chu Prông, đầu tư các hạng mục cần thiết phát sinh khác nhằm tăng hiệu quả sử dụng của tuyến đường Tỉnh lộ 665 và hiệu quả sử dụng vốn vay ODA; đồng thời để hoàn thành các nhiệm vụ và mục tiêu của Dự án, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Các nội dung khác Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất như nội dung đã thẩm tra tại Báo cáo số 132/BC-HĐND.

Ngoài ra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh triển khai, thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định. Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện về thông tin, số liệu báo cáo, sự cần thiết, tính hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn kết dư của Dự án theo quy định.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

#### Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c):
- Lưu: VT-KTNS.

TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH



Nguyễn Đình Phương

**BÁO CÁO**  
**Thẩm tra Báo cáo về việc kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị**  
**theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh**

Để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, từ ngày 18/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp. Trên cơ sở xem xét nội dung *Báo cáo kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh* (*Báo cáo số 72/BC-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh*) và các tài liệu có liên quan, qua ý kiến thảo luận của thành viên Ban, đại biểu dự họp, các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh và xem xét tình hình thực tế việc giải quyết các kiến nghị của cử tri. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

Qua rà soát 07 kiến nghị của cử tri do Thường trực HĐND tỉnh phân công Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thẩm tra (kiến nghị cử tri gửi đến Kỳ họp thứ Mười sáu và các kỳ họp trước của HĐND tỉnh khóa XI chưa được giải quyết hoặc giải quyết chưa dứt điểm), Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành và địa phương có liên quan giải quyết xong 05/07 kiến nghị (chiếm tỷ lệ 71,4%), 02/07 kiến nghị đang giải quyết (chiếm tỷ lệ 28,6%). Cụ thể như sau:

**1. Đối với 05 kiến nghị UBND tỉnh đã giải quyết xong**

**1.1. Kiến nghị số 4, trang 2, Báo cáo số 72/BC-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh:** Cử tri thị xã Ayun Pa rất phẫn khởi khi được UBND tỉnh quan tâm đầu tư kinh phí xây dựng Tỉnh lộ 668; tuy nhiên, khi xây dựng công trình này, hệ thống mương thoát nước chưa được đầu tư đồng bộ, do đó sau khi công trình Tỉnh lộ 668 hoàn thành, mặt đường cao hơn so với nền nhà của phần lớn người dân tại tuyến đường này. Do đó, vào mùa mưa nước không thể thoát được, chảy vào nhà dân gây ngập úng, ảnh hưởng đến cuộc sống, sinh hoạt của người dân, trong đó có khu vực gần trường Trung học cơ sở Phạm Hồng Thái (đây là khu vực đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, đời sống còn gặp nhiều khó khăn). Đề nghị UBND tỉnh xem xét, đầu tư xây dựng hệ thống mương thoát nước tại các khu vực có đồng dân cư sinh sống trên tuyến đường này (Cử tri thị xã Ayun Pa).

Kiến nghị này của cử tri thị xã Ayun Pa gửi đến Kỳ họp thứ Mười sáu, HĐND tỉnh khóa XI, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giao thông vận tải thực hiện và hiện nay đã triển khai đấu thầu lựa chọn nhà thầu, dự kiến thi công, hoàn thành trong quý IV/2022.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị Thường trực HĐND tỉnh giao

Tổ đại biểu HĐND tỉnh ứng cử tại thị xã Ayun Pa giám sát, báo cáo HĐND tỉnh về kết quả việc giải quyết kiến nghị nêu trên tại Kỳ họp cuối năm 2022.

**1.2. Kiến nghị số 5, trang 3, Báo cáo số 72/BC-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh:** Đề nghị UBND tỉnh quan tâm, đầu tư nâng cấp mở rộng đường giao thông từ xã Hnol, huyện Đak Đoa đi xã Kon Thup, huyện Mang Yang để phục vụ nhu cầu đi lại giao thương, buôn bán, vận chuyển hàng hóa của người dân (Cử tri huyện Đak Đoa).

Kiến nghị này của cử tri huyện Đak Đoa gửi đến Kỳ họp thứ Mười sáu, HĐND tỉnh khóa XI, UBND tỉnh đã trả lời kiến nghị của cử tri tại Văn bản số 2425/UBND-NC ngày 08/12/2020, trong đó: “*UBND tỉnh dự kiến sẽ phân bổ có mục tiêu từ nguồn vốn ngân sách tỉnh cho huyện để đầu tư cho giao thông giai đoạn 2021-2025*”. Tuy nhiên, do nguồn ngân sách tỉnh còn hạn hẹp; đồng thời, đoạn tuyến từ Km2+950-Km6+800, dài 3,85km (theo đề xuất của cử tri) không trùng khớp với quy hoạch đường Tỉnh T6 (được phê duyệt tại Quyết định số 39/2011/QĐ-UBND ngày 28/12/2011: tuyến T6 có điểm đầu từ Quốc lộ 19, xã Tân Bình đi xã Trang, xã Kon Thup, xã Chư Krey và kết nối vào đường Tỉnh 667 (Km20) khu vực xã Kon Yang, huyện Kông Chro).

Do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến với UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan nghiên cứu, điều chỉnh quy hoạch đối với đoạn tuyến đường nêu trên và đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

**1.3. Kiến nghị số 6, trang 3, Báo cáo số 72/BC-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh:** Hiện nay, đoạn lưu vực sông Ayun từ cầu Quý Đức xã Ia Trok đến cầu Bến Mộng (bắc qua sông Ba nối liền thị xã Ayun Pa) và đèo Tô Na, xã Ia Broăi, huyện Ia Pa vào mùa mưa lũ gây sạt lở đất gần khu dân cư, đất sản xuất của người dân và đoạn gần bờ sông Ba khu vực thôn Đoàn Kết, xã Chư Răng bị nước xói mòn, gây sạt lở nghiêm trọng, hiện chỉ còn cách lề đường Trường Sơn Đông khoảng 1,5m. Đề nghị UBND tỉnh xem xét, đầu tư xây dựng bờ kè chống sạt lở những đoạn nói trên để đảm bảo an toàn cho người dân sống ở khu dân cư gần khu sạt lở và bảo vệ đất sản xuất của người dân lưu vực sông Ayun thuộc địa phận huyện Ia Pa (Cử tri huyện Ia Pa).

Kiến nghị này của cử tri huyện Ia Pa gửi đến Kỳ họp thứ Mười sáu, HĐND tỉnh khóa XI và đã được UBND tỉnh thực hiện.

Ngày 01/6/2022, UBND tỉnh đã có Văn bản số 1114/UBND-KTTH gửi đến các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về hồ sơ đề xuất dự án Đầu tư các công trình thủy lợi, giao thông sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài giai đoạn 2021-2025, trong đó có đề xuất triển khai thực hiện Dự án xây dựng kè chống sạt lở sông Ayun (đoạn chảy qua thôn Quý Đức, xã Ia Trôk), huyện Ia Pa (chiều dài dự kiến 1.500m, hạn mức đầu tư 110 tỷ đồng từ nguồn vốn WB (100 tỷ đồng) và vốn đối ứng (10 tỷ đồng)), nhằm đảm bảo an toàn cho sinh hoạt, sản xuất của người dân trong khu vực.

**1.4. Kiến nghị số 7, trang 4, Báo cáo số 72/BC-UBND ngày 10/6/2022 của**

**UBND tỉnh:** Trạm Y tế xã An Phú được đầu tư xây dựng từ năm 1987 đến nay đã xuống cấp trầm trọng. Đề nghị UBND tỉnh cấp kinh phí xây dựng lại để đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh của Nhân dân (Cử tri thành phố Pleiku).

Kiến nghị này của cử tri thành phố Pleiku gửi đến Kỳ họp thứ Mười sáu, HĐND tỉnh khóa XI, đến nay đã được UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện.

Trên cơ sở Văn bản số 2555/BKHĐT-TH ngày 18/4/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc rà soát danh mục các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang thực hiện lấy ý kiến các đơn vị liên quan về chủ trương đầu tư xây dựng đối với 59 Trạm Y tế xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai, trong đó có chủ trương đầu tư xây dựng Dự án Trạm Y tế xã An Phú.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị Thường trực HĐND tỉnh giao Tỉnh đại biểu HĐND tỉnh ứng cử tại thành phố Pleiku giám sát việc giải quyết kiến nghị này.

**1.5. Kiến nghị số 2, trang 1, Báo cáo số 72/BC-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh:** Hiện nay các hộ dân có đất tại khu vực Nông trường số 5, số 6, thôn 4, xã Trà Đa (thuộc khu vực của tổng đội thanh niên xung phong Sông Đà 4) đã hoàn thành nghĩa vụ nộp sản lượng cho Công ty Sông Đà 4. Đề nghị UBND tỉnh sớm ban hành quyết định thu hồi đất để giao lại UBND thành phố tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân theo quy định để các hộ dân yên tâm đầu tư sản xuất, tái canh cây cà phê, ổn định cuộc sống vì hiện nay đa số diện tích cây cà phê ở khu vực này đã già cỗi (Cử tri thành phố Pleiku).

Kiến nghị này của cử tri thành phố Pleiku gửi đến Kỳ họp thứ Chín, HĐND tỉnh khóa XI và đã được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 thu hồi toàn bộ diện tích 127,1047ha đất của Công ty Cổ phần Sông Đà 4 và giao lại cho UBND thành phố Pleiku quản lý, sử dụng.

Tuy nhiên qua giám sát nhận thấy, tiến độ thực hiện của UBND thành phố rất chậm, đến nay chưa thực hiện xong theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị Thường trực HĐND tỉnh tiếp tục có ý kiến với UBND tỉnh chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc UBND thành phố đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

## 2. Đối với 02 kiến nghị UBND tỉnh đang giải quyết

**2.1. Kiến nghị số 3, trang 2, Báo cáo số 72/BC-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh:** Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Giao thông vận tải làm việc với các cơ quan, đơn vị có liên quan sớm giải quyết hỗ trợ cho các hộ dân của 04 xã Ia Sao, Ia Hrung, Ia Dêr, Ia Péch thuộc huyện Ia Grai có diện tích đất làm lúa, đất cà phê, hoa màu bị bồi lấp, ngập úng do việc thi công đường Hồ Chí Minh, đoạn tuyến tránh đô thị Pleiku, cử tri thắc mắc cùng tuyến đường này nhưng các hộ dân của thành phố Pleiku đã được giải quyết hỗ trợ, còn các hộ dân của huyện Ia Grai chưa được hỗ trợ (Cử tri huyện Ia Grai).

Kiến nghị này của cử tri huyện Ia Grai đã được UBND tỉnh đã chỉ đạo giải quyết nhưng đến nay chưa được giải quyết dứt điểm.

Sở Giao thông vận tải đã phối hợp với nhà thầu thi công và chính quyền địa phương giải quyết kiến nghị này, trong đó đề nghị làm rõ hơn về hồ sơ và các tư liệu làm cơ sở để xác định ảnh hưởng, có phương án hỗ trợ cho người dân. Tuy nhiên, đến nay hồ sơ và các tư liệu nêu trên chưa được địa phương cung cấp.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị Thường trực HĐND tỉnh tiếp tục có ý kiến với UBND tỉnh có phương án giải quyết dứt điểm kiến nghị nêu trên của cử tri huyện Ia Grai.

**2.2. Kiến nghị số 1, trang 1, Báo cáo số 72/BC-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh:** Đề nghị UBND tỉnh thu hồi đất của các Công ty đang thực hiện các dự án trên địa bàn huyện Chư Puh nhưng hoạt động không hiệu quả, sử dụng đất không đúng mục đích và có phương án thu hồi giao lại đất cho dân sử dụng (Cử tri huyện Chư Puh).

Kiến nghị này của cử tri huyện Chư Puh gửi đến Kỳ họp thứ Mười ba, HĐND tỉnh khóa XI, UBND tỉnh đã chỉ đạo giải quyết nhưng đến nay chưa giải quyết dứt điểm.

Về thu hồi diện tích 75,3ha đất của Công ty TNHH TM Đệ Nhất Việt Hàn, UBND tỉnh mới chỉ ban hành Thông báo số 29/TB-UBND ngày 06/5/2022 về việc thu hồi một phần diện tích 75,3ha của Công ty và giao lại cho UBND huyện Chư Puh quản lý, sử dụng nhưng đến thời điểm thẩm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường chưa triển khai thực hiện.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị Thường trực HĐND tỉnh tiếp tục có ý kiến với UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài và Môi trường khẩn trương triển khai, thực hiện nội dung kiến nghị này.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT-KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH**

**KT. TRƯỞNG BAN**

**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trung Kiên**

## BÁO CÁO

**Tổng hợp kết quả thẩm tra dự thảo nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh tại Thông báo số 51/TB-HĐND ngày 24 tháng 5 năm 2022 *kết luận về dự kiến nội dung, chương trình Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khoá XII* giao Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh chịu trách nhiệm tổng hợp và báo cáo Thường trực HĐND tỉnh, HĐND tỉnh sau khi các Ban tiến hành thẩm tra đối với nội dung liên quan đến dự thảo nghị quyết *quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai* (Tờ trình số 1300/TTr-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh), Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổng hợp kết quả thẩm tra đối với dự thảo nghị quyết như sau:

### 1. Cơ sở pháp lý

Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội, Ban Dân tộc HĐND tỉnh đều thống nhất cơ sở pháp lý như sau: Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; quy định tại khoản 1, Điều 19<sup>1</sup> Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ *ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025*, việc HĐND tỉnh ban hành nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

### 2. Về nội dung dự thảo nghị quyết

#### 2.1. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh (*Báo cáo số 129/BC-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh*)

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với nội dung dự thảo nghị quyết và đề nghị chỉnh sửa một số nội dung tại Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết như sau:

<sup>1</sup> UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

1. Căn cứ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, bố trí vốn đối ứng, lồng ghép các nguồn lực khác, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện Chương trình và trình HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.

- Đưa nội dung khoản 3, Điều 4 của dự thảo nghị quyết: “*Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số căn cứ số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh*” làm căn cứ để tính Tiêu chí 3 của Tiêu dự án 3- khoản 3, Điều 9 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết.

- Đưa nội dung khoản 4, Điều 4 của dự thảo nghị quyết: “*Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng, thấp còi để tính hệ số theo số liệu năm 2021 của Sở Y tế công bố*” làm căn cứ để tính Tiêu chí 3 của Tiêu dự án 2- khoản 2, Điều 8 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết.

- Đưa nội dung khoản 5, Điều 4 của dự thảo nghị quyết: “*Số trường Cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh để tính hệ số căn cứ vào số lượng thực tế tính đến năm 2021 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh thống kê và công bố. Số lượng tuyển sinh trên địa bàn cấp huyện để tính hệ số căn cứ vào kết quả báo cáo tuyển sinh năm 2021 của cấp huyện trên địa bàn tỉnh*” làm căn cứ để tính Tiêu chí 2, 3 của Tiêu dự án 1 tại khoản 1, Điều 9 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết.

- Tại 09 tiêu chí Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị điều chỉnh mức phân chia nhóm tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo như sau: “*Từ 30% đến dưới 35%*” thành “*Từ 30% đến dưới 40%*” và “*Từ 35% trở lên*” thành “*Từ 40% trở lên*” và viết lại như sau:

<b>Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 8%	0,4
Từ 8% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% đến dưới 30%	0,7
<b>Từ 30% đến dưới 40%</b>	<b>0,8</b>
<b>Từ 40% trở lên</b>	<b>0,9</b>

\* Lưu ý: Áp dụng cho tất cả các tiêu chí có sử dụng đến tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo làm căn cứ để tính hệ số.

- Tại 07 tiêu chí Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị gộp mức phân chia nhóm số đơn vị hành chính cấp xã và hệ số như sau: “*Từ 18 đến 20 xã*”: *hệ số 1,5* và “*Từ 21 xã trở lên*”: *hệ số 2* thành “*Từ 18 đơn vị hành chính trở lên*”: *hệ số 1,5*; thay từ “*xã*” bằng cụm từ “*đơn vị hành chính*” và viết lại như sau:

<b>Số đơn vị hành chính cấp xã</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 10 đơn vị hành chính	1
Từ 10 đến 13 đơn vị hành chính	1,15
Từ 14 đến 17 đơn vị hành chính	1,3
<b>Từ 18 đơn vị hành chính trở lên</b>	<b>1,5</b>

\* Lưu ý: Áp dụng cho tất cả các tiêu chí có sử dụng đến số đơn vị hành chính làm căn cứ để tính hệ số.

- Tại tiêu chí 3 (Phần Phân bổ vốn sự nghiệp của Tiêu dự án cho cấp huyện để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn thực hiện) - mục b khoản 1 Điều 9 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị bổ sung cụm từ: “*Đối với địa phương không có cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập giao UBND huyện tổ chức, triển khai thực hiện*” và viết lại như sau:

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	Hệ số
Mỗi một trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (Đối với địa phương không có cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập giao UBND huyện tổ chức, triển khai thực hiện)	0,1
Mỗi một trường cao đẳng	0,3

- Bỏ nội dung tại mục c khoản 2 Điều 10 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết “c) *Ngân sách đối ứng:.... Bộ Xây dựng*”.

- Bổ sung phần nội dung Tổ chức thực hiện tại Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết.

## 2.2. Ý kiến của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh (*Báo cáo số 59/BC-BVHΧH ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh*)

Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh cơ bản thống nhất về nội dung dự thảo nghị quyết và có ý kiến như sau: Tại “khoản 3 Điều 3” của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết này, Ban đề nghị chỉnh sửa nội dung lại như sau: “*Việc phân bổ vốn phải đảm bảo tương quan hợp lý giữa việc phát triển các huyện, thị xã, thành phố, ưu tiên hỗ trợ huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, các vùng biên giới, vùng dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng*”.

## 2.3. Ý kiến của Ban Dân tộc HĐND tỉnh (*Báo cáo số 37/BC-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh*)

Ban Dân tộc HĐND tỉnh cơ bản thống nhất về nội dung dự thảo nghị quyết và đề nghị chỉnh sửa, bổ sung, làm rõ một số nội dung, cụ thể như sau:

- Đối với căn cứ ban hành nghị quyết: Đề nghị bổ sung “*Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019*”.

- Đối với Điều 3 quy định về nguyên tắc phân bổ vốn tại Quy định ban hành kèm theo dự thảo nghị quyết:

+ Tại Khoản 3: Đề nghị chỉnh sửa cho đúng với quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Khoản 3 Điều 3 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân

bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Theo đó, thứ tự ưu tiên là các huyện nghèo, hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo,...

+ Bổ sung nội dung: “*Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên*” thành Khoản 5 Điều 3.

+ Đề nghị cơ quan trình dự thảo nghị quyết giải trình cụ thể về căn cứ xác định tính điểm đổi với số đơn vị hành chính cấp xã của huyện.

### **3. Đối với thể thức, bộ cục dự thảo nghị quyết**

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh, Ban Dân tộc HĐND tỉnh thống nhất.

Kính trình HĐND tỉnh, Kỳ họp thứ Sáu xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu tham dự Kỳ họp thứ Sáu, HĐND tỉnh khóa XII;
- Lưu: VT-KTNS(Tr).

**TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đình Phương**